

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-6-2023.

“V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn giữa chị Lê Thị M và  
anh Nguyễn Duy P”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Vạn Thế.**
- Bà Chung Thị Thu Nguyệt.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

**Ngày 22 tháng 6 năm 2023**, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **69/2023/TLST-HNGĐ**, ngày **14 tháng 3 năm 2023**, về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **82/2023/QĐXXST-HNGĐ**, ngày **08 tháng 5 năm 2023**, và Quyết định hoãn phiên tòa số **77/2023/QĐST-HNGĐ**, ngày **29 tháng 5 năm 2023**, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị M, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 81, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Lê Thị M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 474, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh P vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày **01/3/2023** và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Lê Thị M và anh P được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2020, đến ngày 20/5/2020 Lê Thị M và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52, ngày 20/5/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, vợ

chồng không có tiếng nói chung nên xảy ra mâu thuẫn nhiều lần trong cuộc sống hôn nhân. Anh P thường xuyên ghen tuông vô cớ, thường xuyên xúc phạm Lê Thị M và cha mẹ Lê Thị M, nhiều lần đe dọa đánh Lê Thị M. Lê Thị M thường xuyên mâu thuẫn với cha mẹ chồng vì khi vợ chồng cãi nhau cha mẹ anh P không khuyên can mà lại bên vực anh P và chửi Lê Thị M nên Lê Thị M không thể sống bên nhà chồng. Đến tháng 01/2022, vợ chồng Lê Thị M, anh P thật sự không còn sống chung. Hiện nay, Lê Thị M xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung do mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Quá trình sống chung Lê Thị M và anh P có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 09/8/2020. Từ khi vợ chồng không còn chung sống thì cháu B đang sống cùng và do Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Lê Thị M cho rằng Lê Thị M không còn tình cảm với anh Nguyễn Duy P, nên Lê Thị M yêu cầu ly hôn với anh P; Về con chung, Lê Thị M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 09/8/2020, Lê Thị M không yêu cầu anh P có nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Bảo cùng Lê Thị M; Về tài sản chung, nợ chung, Lê Thị M không yêu cầu giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến của anh Nguyễn Duy P trình bày: Anh P cho rằng vợ chồng vẫn sống chung với nhau bình thường không có mâu thuẫn gì với nhau và muốn sống chế độ một vợ một chồng để cùng nhau nuôi dạy con, nên anh P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Lê Thị M. Quá trình sống chung Lê Thị M và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 09/8/2020 hiện đang sống với Lê Thị M. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Lê Thị M, anh P đồng ý giao con tên Nguyễn Lê Gia B cho Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và trách nhiệm nghĩa vụ nuôi con phải cùng nhau chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu giải quyết. Anh P không có mặt tại phiên tòa dù được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Việc chị Lê Thị M xin ly hôn anh Nguyễn Duy P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Lê Thị M và anh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh P có địa chỉ thường trú tại số nhà 474, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Lê Thị M là nguyên đơn, anh P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng Lê Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và anh P vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Lê Thị M và anh P theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những

người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Lê Thị M và anh Nguyễn Duy P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 52, ngày 20/5/2020 là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của Lê Thị M và anh P đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

*Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:*

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”*

Tuy nhiên, sau khi cưới Lê Thị M và anh P sống chung được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 01/2022 vợ chồng không còn sống chung và quan tâm nhau, cho đến nay vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, nên thường xuyên mâu thuẫn. Do không còn tình cảm với anh P nên Lê Thị M đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình.

Anh P không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ con. Từ tháng 01/2022 đến nay, vợ chồng Lê Thị M, anh P không còn sống chung và duy trì quan hệ vợ chồng. Nhưng anh P không có biện pháp để hàn gắn tình cảm với Lê Thị M, đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm để về chung sống chăm lo hạnh phúc gia đình. Từ đó, xác định Lê Thị M và anh P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị M để cho vợ chồng Lê Thị M và anh P ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh P và Lê Thị M thống nhất lời trình bày về con chung của vợ chồng, xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 09/8/2020, cháu B đang sống cùng và do Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn chung sống đến nay.

Lê Thị M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu B, anh P cũng đồng ý, hiện con chung còn quá nhỏ (chưa đủ 3 tuổi) và đang sống cùng Lê Thị M, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Lê Thị M về nuôi con chung. Cụ thể giao con chung là cháu B cho Lê Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng

là phù hợp với ý kiến của anh P, quy định pháp luật và đảm bảo được sự ổn định về điều kiện sống của cháu.

Do Lê Thị M không yêu cầu anh P nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi cháu B cùng Lê Thị M và anh P cũng không có ý kiến gì về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về chi phí đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung của Lê Thị M và anh P.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 81; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 83; Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Do chị Lê Thị M và anh Nguyễn Duy P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Lê Thị M và anh Nguyễn Duy P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Duy P.

##### **2. Về nuôi con chung:**

Giao con chung tên Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 09/8/2020 cho chị Lê Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu B đang do Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng). Lê Thị M không yêu cầu anh P có nghĩa vụ đóng góp chi phí (cấp dưỡng) nuôi con chung tên Bảo cùng Lê Thị M.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung

không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0016495 ngày 13 tháng 3 năm 2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Lê Thị M đã nộp đủ án phí).

Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Duy P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã T;
- (GCNKH số 52, ngày 20/5/2020)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Hà Thị Mỹ Xuân**